

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC MB
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-ST

Ngày: 16/4/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC MB-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nông Thị Tình

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Đinh Văn Tân

2. Ông Trịnh Hữu Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh:***
Không tham gia phiên tòa theo Văn bản số 166/CV-VKS ngày 09/4/2026.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 59/2025/TLST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐST – KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ;

Địa chỉ trụ sở: Số B đường D, ấp A, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 6 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức B – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Minh T – Chức vụ: Nhân viên (có mặt);

2. Bị đơn: Công ty TNHH T1;

Địa chỉ trụ sở: Thôn C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bích L – Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt);

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty TNHH T1 – Phòng khám Đ1;

Địa chỉ: Thôn C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bích L – Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Minh T trình bày:***

Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH T1 có ký Hợp đồng mua bán số 01-2024/HĐAT/TDA-BL ngày 18/01/2024 để mua bán các sản phẩm đông được.

Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Đ đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với Công ty TNHH T1, nhưng Công ty TNHH T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Đ. Mặc dù Công ty TNHH Đ đã nhiều lần tạo điều kiện cho Công ty TNHH T1 thanh toán.

Do đó, Công ty TNHH Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ toàn bộ số tiền 444.837.260 đồng. Trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 44.837.260 đồng.

Trả ngay một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Công ty TNHH T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, xác định lại yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc và lãi như sau:

- Ngày 30/3/2026, Công ty TNHH T1 đã trả được cho Công ty TNHH Đ số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, vì vậy tại phiên tòa Công ty TNHH Đ yêu cầu Công ty TNHH T1 phải tiếp tục trả nợ số tiền nợ gốc còn lại là 350.000.000 đồng.

- Đối với tiền lãi: Công ty TNHH Đ xác định lại cách tính lãi theo Bảng xác nhận gốc và lãi đến hạn theo từng giai đoạn cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1: Thời gian tính lãi kể từ ngày đối chiếu công nợ (ngày 03/01/2025) đến ngày 30/3/2026: Số tiền nợ là 400.000.000 đồng x 395 ngày quá hạn x 9%/năm = 38.958.904 đồng.

+ Giai đoạn 2: Thời gian tính lãi kể từ ngày 31/3/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/4/2026): Số tiền nợ là 350.000.000 đồng x 17 ngày quá hạn x 9%/năm = 1.467.123 đồng.

Như vậy, tại phiên tòa Công ty TNHH Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T1 phải trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 390.426.027 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi là 40.426.027 đồng. Và yêu cầu Công ty TNHH T1 phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích L trình bày:

Công ty TNHH T1 công nhận có ký Hợp đồng mua bán số 01-2024/HĐAT/TDA-BL ngày 18/01/2024 với Công ty TNHH Đ.

Do tình hình kinh doanh gặp khó khăn nên Công ty TNHH T1 đã thiếu nợ Công ty TNHH Đ số tiền tính đến ngày 02/3/2026 là 459.248.219 đồng; trong đó: nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 59.248.219 đồng. Nay Công ty TNHH T1

đồng ý nhận nợ theo yêu cầu của Công ty TNHH Đ. Về phương án trả nợ, Công ty TNHH T1 xin được trả nợ làm 03 lần:

+ Lần 1: Ngày 30/3/2026: trả 50.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 25/4/2026: trả 150.000.000 đồng.

+ Lần 3: Ngày 30/5/2026: trả 200.000.000 đồng + toàn bộ lãi suất.

Công ty TNHH T1 đồng ý tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ.

Nếu vi phạm một trong các thời hạn nêu trên thì Công ty TNHH Đ được quyền yêu cầu thi hành án quyết định, bản án của Tòa.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích L có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán các sản phẩm đông dươc nên xác định đây là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở tại ấp V, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực MB-Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự:

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Công ty TNHH T1 – Phòng khám Đ1 được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả số tiền 400.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán.

Xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 01-2024/HĐAT/TDA-BL ngày

18/01/2024 thể hiện giữa Công ty TNHH Đ và Chi nhánh Công ty TNHH T1 - Phòng khám Đ1 có phát sinh việc mua bán thuốc từ năm 2024. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/01/2025 giữa các bên xác định số tiền bị đơn Công ty TNHH T1 còn nợ thừa nhận còn nợ Công ty TNHH Đ số tiền là 400.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Tại phiên tòa, do bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng vào ngày 30/3/2026 nên nguyên đơn xác nhận lại số tiền gốc còn lại yêu cầu bị đơn Công ty TNHH T1 phải trả là 350.000.000 đồng. Việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, trừ số tiền đã trả cho bị đơn là có lợi cho bị đơn, số tiền nhỏ hơn nên không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tính đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính từ ngày 25/01/2024 đến ngày khởi kiện (ngày 25/7/2025) và tiếp tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng).

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa các bên không có điều khoản quy định về tính lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên căn cứ quy định Điều 306 Luật thương mại năm 2005 "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...*". Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên phải trả lãi chậm trả là phù hợp với quy định pháp luật. Xét thấy, mức lãi suất 9%/năm, tương đương 0.75%/tháng, mức lãi suất này là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 25/01/2024 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ do các bên xác nhận thì số nợ Công ty TNHH T2 còn nợ Công ty TNHH Đ tính đến ngày 03/01/2025 số tiền là 400.000.000 đồng, vì vậy thời điểm phát sinh yêu cầu tính lãi chậm trả được bắt đầu từ ngày 03/01/2025. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 25/01/2024 là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH Đ xác định lại cách tính lãi theo Bảng xác nhận gốc và lãi đến hạn theo từng giai đoạn cụ thể và yêu cầu Công ty TNHH T1 phải trả như sau:

+ Giai đoạn 1: Thời gian tính lãi kể từ ngày đối chiếu công nợ (ngày 03/01/2025) đến ngày 30/3/2026: Số tiền nợ là 400.000.000đồng x 395 ngày quá hạn x 9%/năm = 38.958.904đồng.

+ Giai đoạn 2: Thời gian tính lãi kể từ ngày 31/3/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/4/2026): Số tiền nợ là 350.000.000đồng x 17 ngày quá hạn x 9%/năm = 1.467.123đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 40.426.027đồng và yêu cầu Công ty TNHH T1 phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ.

Như vậy, Công ty TNHH Đ, bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với cách tính lãi, thời điểm tính lãi là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện về cách tính lãi, số tiền lãi của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T1 phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Đ tổng số tiền là: 390.426.027đồng. Trong đó nợ gốc là 350.000.000đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 40.426.027đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 19.617.041 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 10.900.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046610 ngày 05/12/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Về thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực MB-TP. HCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Tình